



## TÂM THIỀN NGUYỄN DU QUA THƠ CHỮ HÁN

Lê Thu Yến\*

Khoa Ngữ văn - Trường Đại học Sư phạm TP HCM

Ngày Tòa soạn nhận được bài: 30-5-2017; ngày phân biên đánh giá: 10-7-2017; ngày chấp nhận đăng: 27-8-2017

### TÓM TẮT

Thơ chữ Hán Nguyễn Du đã có nhiều công trình nghiên cứu; tuy nhiên, do nội dung phong phú, đề tài đa dạng nên vẫn còn nhiều vấn đề chưa khai thác hết. Nguyễn Du học nhiều hiểu rộng, thông suốt Nho, Phật, Đạo, đặc biệt là với đạo Phật. Ông đã viếng nhiều cảnh chùa, đã đọc kinh Kim Cang hơn nghìn lần, đã hiểu sâu về Phật đạo nhưng ông vẫn đi theo con đường riêng của mình chứ không đi theo con đường của Phật. Bài viết này giới thiệu cách nhìn của Nguyễn Du về Phật giáo qua thơ chữ Hán của ông.

**Từ khóa:** tâm thiền, hành giả tu thiền, lo đời, đau đời.

### ABSTRACT

#### *Mind meditation in Nguyen Du's Chinese poetry*

There have been lots of studies on Nguyen Du's Chinese poetry; however, due to its richness in contents and the variety of topics, some issues have yet to be explored. Nguyen Du was well educated, with a thorough understanding of Confucianism, Buddhism, Taoism, especially Buddhism. Although he had visited lots of pagodas, read the Diamond Sutra more than a thousand times, and possessed a thorough understanding of the way of Buddhism, he still chose to follow his own way. This article introduces Nguyen Du's view on Buddhism through his Chinese poetry.

**Keywords:** meditation, meditator, compassion, life's pains.

Trong thơ chữ Hán, Nguyễn Du thường ít phát biểu quan niệm của mình về đạo Phật một cách rõ ràng như một số tác giả khác. Chúng ta thấy Trần Quang Triều khi viết về một cảnh chùa:

Tâm khô oa giác mộng

Bộ lí đáo thiền đường.

(Đề Gia Lâm tự)

(Lòng nguội lạnh với giấc mơ đưa  
chen danh lợi

Đạo bước đến cửa thiền)

Trong đó bộc lộ rõ ý hướng giác ngộ đạo Phật trước phong cảnh thanh tịnh của

chùa chiền. Hay Huyền Quang, Thiền tổ thứ ba của thiền phái Trúc Lâm, trong thơ mình cũng đã thể hiện tinh thần vong ngôn:

Vương thân vương thể dĩ đô vương

Tọa cửu tiêu nhiên nhất tháp lương

Tuế văn sơn trung vô lịch nhật

Cúc hoa khai xứ tức trùng dương.

(Cúc hoa II)

(Quên mình, quên đời, quên tất cả  
Ngồi lâu lặng lẽ, một giường thắm  
lạnh

Cuối năm ở trong núi không có lịch

\* Email: yenthuth@yahoo.com

*Nhìn hoa cúc nở biết đã đến tiết  
trùng dương)*

Ngay cả Nguyễn Trãi cũng đã có những giây phút “quên” thể hiện đúng chất thiền:

Cá trung chân hữu ý

Dục ngữ hốt hoàn vương.

(Tiên Du tự)

*(Trong cảnh ấy thực có ý*

*Muốn nói ra bỗng lại quên)*

Nguyễn Du trong Truyện Kiều có nhắc đến một số khái niệm liên quan đến nhà Phật như: duyên, nghiệp, phúc, họa, thiện căn... Còn trong thơ chữ Hán, ngoài bài *Lương Chiêu Minh thái tử phân kinh thạch đài* trực tiếp phát ngôn về đạo Phật còn lại ít thấy ông nhắc đến các khái niệm của nhà Phật. Tuy nhiên chất thiền bàng bạc trong nhiều bài thơ cảm tác của ông trong nhiều thời điểm khác nhau: khi tâm sự với bạn, khi tiễn bạn lên đường nhận nhiệm vụ mới, khi đi thăm viếng các ngôi chùa cổ, khi đi đường trong đêm, thôn xóm về đêm... Có khi chỉ là một thời khắc bình thường nào đó cũng khơi gợi nơi ông chút ý vị thiền. Cho nên có nhà nghiên cứu cho rằng Nguyễn Du là một bậc hành giả tu thiền. Điều này có chính xác không?

1. Hình như trong cuộc sống của ông, cái duyên đưa ông đến với Phật cũng không nhiều, nhưng có lẽ do ảnh hưởng khá sâu từ công phu học tập của ông từ nhỏ. Đất nước ta thế kỉ XVIII- XIX có nhiều nho sĩ học giỏi, kiến thức rộng. Ngoài Nho học, họ còn hiểu biết nhiều và rất tinh thông Phật và Đạo. Đạo Phật ở nước ta đã từng là quốc giáo do đó ít nhiều ảnh hưởng đến tầng lớp sĩ phu phong kiến.

Đạo Phật từ bi hỉ xả giúp đời cứu người như một chân lí tác động mạnh đến mọi tầng lớp. Chính vì thế dù học Nho trong thời điểm Nho học lên ngôi, nhưng đạo Phật vẫn có sức níu giữ sự tin tưởng lớn lao trong số đông tầng lớp nhân dân. Chùa trong thời điểm này được dựng lên khá nhiều, nhà Nguyễn ủng hộ Phật giáo. Nguyễn Ánh trước khi lên ngôi năm 1802 thì đã có một số lần lánh nạn tại nhiều ngôi chùa ở Đàng Trong. Và khi lên ngôi ông đã nhiều lần cho thỉnh Đại tạng, xây dựng nhiều ngôi chùa lớn ở Huế (Báo quốc, Thiên Mục, Thuyền Tôn...). Nhiều quan chức triều Nguyễn cũng đã giao du với các thiền sư lúc bấy giờ. Nguyễn Du có lẽ cũng như vậy.

Trong bài thơ Đề Nhị Thanh động, Nguyễn Du đã nói:

Mãn cảnh giai không hà hữu tướng

Thử tâm thường định bất li thiền.

*(Mọi cảnh đều là không thì làm gì có tướng)*

*Tâm này thường định không rời xa đạo thiền)*

Ý thơ này chứng tỏ ông quan tâm nhiều đến đạo Phật, và trong nhiều ngã đường học đạo, ông cố níu giữ tâm mình thường định không xa đạo thiền. Cho nên, đây không thể là một phát ngôn không có sự nghiền ngẫm. Lòng tự dặn lòng như vậy thì chắc chắn ông không quên được điều mình tâm niệm, theo đuổi. Trong một số bài thơ khác ít nhiều ông đề cập tâm lòng tự nhiên thư thái như không như là một mong muốn, ao ước:

Diệp lạc hoa khai nhãn tiền sự

Tứ thời tâm kính tự như như.

(Tập thi II)

*(Lá rơi hoa rụng việc trước mắt  
Bốn mùa tấm lòng như gương vẫn tự  
nhiên thư thái như không)*

Hoặc làm thế nào để không có việc gì  
bận đến tâm linh trong sáng:

Tiền sát bắc song cao ngoại giả  
Bình cư vô sự đáo hư linh.

(Kí hữ)

*(Thềm chết đi được như người nằm  
khẽ bên song cửa sổ phía Bắc*

*Thường ngày không có việc gì bận  
đến tâm linh trong sáng)*

Và ông cố giữ điều đó. Nếu có phải  
ra ngoài nơi gió bụi hoặc phải va chạm hay  
đi trong sương đêm thì ông vẫn muốn mình  
giữ thân mình được trong sạch:

Mạc mạc trần ai mãn thái không  
Bế môn cao chằm ngoại kì trung.

(Kí hữ)

*(Bụi trần mù mịt đầy bầu trời  
Đóng cửa đầu gối cao nằm trong  
nhà)*

Cuộc đời đầy ô trọc như đục, ông  
muốn ẩn mình để khỏi rơi vào gió bụi mờ  
mịt như thế. Có thể Nguyễn Du mong  
muốn rằng con người mình được rong chơi  
trong một thế giới yên tĩnh tuyệt đối như  
Bát Nhã tâm kinh đã nói: *“Tâm trí huệ  
thinh thinh rộng lớn/ Sáng trong ngần  
chẳng bợn mây trần.../...Vận tâm ấy lặng  
trong sáng suốt /Cõi bờ kia một bước đến  
nơi”*.

Cho nên ông tuyệt đối không để cho  
trần cấu như đục có thể nhiễm vào người  
mình:

Vị hữu văn chương sinh nghiệp  
chương

Bất dung trần cấu tạp thanh hư  
Tam lan song hạ ngâm thanh tuyệt  
Điểm điểm tinh thần du thái sơ.

(Ngọa bệnh I)

*(Chưa từng có văn chương nào sinh  
ra nghiệp chương*

*Không cho bụi bặm lẫn vào hồn  
trong trẻo*

*Dưới cửa sổ trồng nhiều lan, tiếng  
ngâm nga vừa dứt*

*Tinh thần dần dần xa chơi trong cõi  
thái hư)*

Ông luôn lo lắng bất an khi cuộc  
sống này đầy tràn ai ô tạp và ông quyết  
tâm không để cho tâm hồn mình vướng vào  
thế giới ô trọc ấy hoặc bị nó làm cho thay  
đổi dần khi phải sống cùng với nó:

Bất sâu cửu lộ triêm y đệ  
Thả hi tu mi bất nhiễm trần.

(Dạ hành)

*(Không buồn sương đêm thấm ướt  
vạt áo*

*Hãy mừng là mây râu không nhuốm  
bụi)*

Những lúc như thế này rõ ràng suy  
nghĩ của ông đậm chất thiền. Ông mong  
muốn cảnh giới ngoài kia không ảnh hưởng  
đến ông và nếu có thể thì cần cắt đứt mọi  
duyên trần để ông có thể tự do tự tại theo ý  
mình. Và có lúc ông cũng tự nhận ra cái  
điều mà lâu rồi ông luôn vướng mắc:

Lão khứ vị tri sinh kế chuyết  
Chương tiêu thời giác tức tâm không.

(Thôn dạ)

*(Già đến rồi chưa biết mình vụng  
đường sinh kế*

*Lúc nghiệp chương tiêu mới biết cái  
tâm vốn là không)*

Cái tâm vốn là không nhưng do mình vụng đường sinh kế, nhiều nghiệp chướng nên đã không nhận ra. Theo Bát Nhã tâm kinh: *“Sắc, không chung ở một nhà/ Không chẳng khác sắc, sắc nào khác không/ Ấy sắc tướng cũng đồng không tướng”*

Những điều trên đây Nguyễn Du phát biểu như một người muốn gạt bỏ tất cả những suy tư, những ưu sự để tìm đến một cõi riêng, như không muốn bị trói buộc bởi những mối nhân duyên dù tốt đẹp hay đốn đau để tâm hồn thực sự lâng lâng với trời mây, như muốn không nhìn thấy việc đời sớm nở hay tối tàn để cõi lòng không còn vương bận... Nhưng có thật như thế không?

2. Dù ông đọc kinh Kim Cang hàng vạn lần trong cuộc đời, dù lòng ông cố giữ thường định không rời xa đạo thiền, dù ông rất hiểu kinh không chữ mới thật là chân kinh... thì ông vẫn là ông giữa cuộc đời trần trụi, ông đóng cửa nhưng lòng ông vẫn dõi theo cuộc đời ngoài kia. Cuộc đời ấy không phải là cuộc đời sôi động nhộn nhịp mà người ta theo đuổi, ước ao chiếm hữu hoặc làm chủ được nó, mà đó là một cuộc đời đầy dẫy những hận thù, tham lam, chém giết, hãm hại, sát phạt... và thế gian này còn biết bao người dân phải hứng chịu những đau khổ triền miên ấy. Với cuộc đời như vậy, và với thân phận một nhà Nho thì ông đã làm được gì cho non sông đất nước này? Với cuộc đời như vậy thì một tâm hồn nhạy cảm đau đời, như dây đàn lúc nào cũng rung lên những âm thanh thống thiết, ông đã làm gì để cuộc đời này thôi bớt những dằn vặt, day dứt, khổ đau? Nếu hiểu và chấp nhận cuộc sống này là vô thường

như lí lẽ của nhà Phật, mà vô thường cũng là hằng thường thì có lẽ Nguyễn Du không đau lòng, không day dứt, không băn khoăn về nhiều lẽ đời như vậy. Tuyệt đối hóa cuộc sống trong khi cuộc sống vốn có rồi không, hưng rồi phế, cười rồi khóc... thì người ta sẽ cảm thấy hụt hẫng biết bao nhiêu. Nguyễn Du không tuyệt đối hóa cuộc sống, vì cuộc đời đâu đã chút nào được bình yên để mà mong ước được với tới một mức cao hơn, một lộ trình tốt đẹp hơn. Ông chỉ mong ước sao cho đời bớt điêu linh, sao cho con người bớt đau khổ. Biết đời là bể khổ nhưng ông không chấp nhận điều đó ông muốn thế giới này phải yên vui, con người phải được tận hưởng niềm vui sống. Ông tâm niệm mình phải làm điều gì cho ước muốn đó nhưng thời thế đã không chọn ông. Xung quanh ông, người hành khất, người chạy loạn, người phu xe vất vả, người hái củi đói nghèo... tràn ngập, người phụ nữ tài hoa mà bạc mệnh, người hiền người tài bị vùi dập... còn tràn lan, nhan nhản khắp nơi... mà ông không làm gì được. Như vậy làm sao ông có thể an tâm để mà rong chơi trên cõi thái hư, làm sao cái tâm có thể thư thái như không được?

Nếu được làm một Bồ tát chắc Nguyễn Du cũng nguyện mình trước khi thành Phật sẽ làm cho bao linh hồn hết khổ sở đốn đau giống như Bồ tát Địa Tạng đã phát nguyện: *“Kể từ nay cho tới trăm ngàn muôn ức kiếp về sau, hễ nơi nào có thế giới còn có các chúng sanh chịu tội khổ nơi địa ngục cùng 3 cõi ác, con nguyện sẽ cứu vớt và làm cho tất cả đều xa lìa các nẻo ác... Những kẻ mắc tội báo như thế thành Phật*

*cả rồi thì sau đó con mới thành chánh giác”* (Trích Kinh Địa tạng Bồ tát bốn nguyện, phẩm thứ tư). Ai cũng hiểu để trở thành Phật phải trải qua bao nhiêu kiếp tu hành và đạt được từng bước những quả vị nào đó. Nếu muốn thành Phật thì ngài Địa Tạng đã có thể thành Phật từ bao nhiêu kiếp trước nhưng vì thương xót chúng sinh còn chịu nhiều khổ nạn nên ông mới nguyện làm thế nào cho họ quy kính Tam Bảo, vĩnh viễn xa lìa sinh tử, đến được Niết bàn an lạc, khi đó Ngài mới thành Phật. Đó là một hạnh nguyện độ sanh lớn lao cao cả mà không biết đến trăm ngàn, muôn, ức kiếp nào mới có thể đạt thành được. Sẽ là khắp khiếm khi so sánh nhưng Nguyễn Du cũng có ước ao lớn tương tự như vậy. Mối lo của ông là mối lo nghìn năm “Thiên tuế trường ưu vị tử tiên” mà. Mong muốn của ngài Địa Tạng và tư tưởng của Nguyễn Du có thể cùng chung đích đến nhưng con đường đi của họ không giống nhau. Ngài Địa Tạng đang thực hiện sứ mệnh của mình, còn Nguyễn Du chỉ mới đang lần dò tìm kiếm và chắc cũng không tìm ra một hướng đi nào rõ ràng cho mình. Ông chỉ biết đem hiểu biết, tài năng của mình để giúp đời theo khả năng có thể.

Nguyễn Du hiểu biết về Phật pháp qua kinh Kim Cang, Bát Nhã tâm kinh, qua thiên định... không có nghĩa là ông bước chân vào cõi Phật như một bậc hành giả tu thiền, Đến với thế giới này, đôi khi ông còn chưa xác định mình là ai, trong cõi ta bà này ông cũng còn lơ ngơ đứng ở ngã ba đường, còn không xác định được đâu là thực đâu là mộng:

Tri giao quá ngã sâu đa mộng

Thiên hạ hà nhân bất mộng trung.

(Ngẫu đề)

*(Bạn bè thân thiết lấy làm lạ rằng sao ta hay sâu mộng*

*Nhưng thiên hạ ai là người không ở trong mộng?)*

Riêng khía cạnh sâu mộng này cũng đã lí giải Nguyễn Du không thể đi theo trọn con đường của Phật.

Nguyễn Du có cái lo của người lo trước nỗi lo của thiên hạ, giống như Nguyễn Trãi, nhưng có lẽ còn ẩn tiềm và lặng sâu hơn nữa đó là nỗi đau đời động thấu tận tim gan, máu thịt mới có được những vần thơ quặn thắt, đau đớn như máu chảy trên đầu ngọn bút. Cùng là một Nguyễn Du, có thể là một Nguyễn Du bình thường có sự gần gũi thân thương với bao kiếp người dưới đáy của xã hội; có thể là một Nguyễn Du với tầm vóc nhân văn, nhân đạo cao vời vượt ra ngoài đời sống hiện thực, hay cũng có thể là một Nguyễn Du với những mong ước, khao khát thoát khỏi vòng cương tỏa để được thăng hoa đến một đỉnh trời nào đó tự do, tự tại, nhẹ như nước mây, thông dong như gió ngàn. Có lẽ là như vậy, có nhiều Nguyễn Du trong một Nguyễn Du. Ông là một nhà Nho với ý hướng giúp đời, giúp người (Thái Bình mại ca giả, Sở kiến hành, Trở bình hành), ông là một đạo sĩ muốn cưỡi mây một mình lên tiên (Hoàng Hà) và ông cũng là một người biết hành thiền (Tập thi, Đề Nhị Thanh động). Thơ ông phong phú, đa dạng, nhiều mặt, trải rộng và khơi sâu phản ánh nhiều vấn đề của thời đại ông. Thiên chỉ là một mặt, một vấn đề. Làm sao chúng ta không hiểu được sự khát khao trong ông

khi ông trải nghiệm bản thân mình trong ba động của cuộc đời, trong vòng xoay của hiện thực mà vẫn ngưỡng vọng về một cõi thái hư với tấm lòng thản nhiên như không. Đó chỉ là mong ước, một mong ước thật đẹp mà có lẽ chẳng bao giờ thành hiện thực.

Điều đó giải thích vì sao trong thơ ông, chúng ta thường thấy hình ảnh ông chài gỏi đầu ngủ trên chiếc thuyền lẻ loi dưới trăng:

Đoàn soa ngư chằm cô chu nguyệt.

(Hoàng Mai kiều vãn điệu)

(Ông chài gỏi đầu trên chiếc áo ngắn trong con thuyền lẻ loi dưới trăng)

Hay ông già nằm ngủ khi sắc đêm phủ lên bức rèm:

Thanh Thảo thôn tiền ngọa lão ông

Giang Nam dạ sắc thượng liêm lung.

(Thôn dạ)

(Trước thôn Thanh Thảo một ông già nằm

Sắc đêm ở phía Nam song phủ lên bức rèm cửa)

Vị sư già ngủ yên trong mây núi Hồng:

Lão nạp an miên Hồng Lĩnh vân

Phù âu tĩnh túc noãn sa tân.

(Dạ hành)

(Vị sư già ngủ yên trong mây núi Hồng

Chim âu yên ngủ đêm trên bãi cát ấm)

Hay nhà sư trên núi ngồi trước trúc:

Sơn tăng đối trúc lưỡng vô dạng

Mục thụ kì ngư nhất bất như.

(Lạng sơn đạo trung)

(Nhà sư trên núi ngồi trước trúc, cả hai đều bình thường

Trẻ mục đồng cỡi trâu ung dung là một điều ta chẳng bằng)

Và vị sư triều trước già trong mây trắng:

Tiên triều tăng lão bạch vân trung.

(Vọng Thiên Thai tự)

(Vị sư triều trước già trong mây trắng)

Một nhà sư nằm ngủ vô tư trong mây trắng phủ dày:

Cổ tự vô danh nan vấn tận

Bạch vân thâm xứ ngọa sơn tăng.

(Thương Ngô trúc chi ca IV)

(Chùa cổ không có tên, khó hỏi thăm Trong tầng núi cao đầy mây trắng che dày, có nhà sư nằm ngủ)

Hay vị sư nằm yên giấc lúc mây ngừng trôi:

Đình vân xứ xứ tăng miên định

Lạc nhật sơn sơn viên khiêu ai.

(Vọng Quan Âm miếu)

(Chón chón mây ngừng trôi, sư nằm yên giấc

Núi núi bóng chiều rơi, tiếng vượn kêu thương)

Những bậc cao nhân ẩn sĩ hay những nhà sư trong núi đều có chung trạng thái vô sự, vô ưu... đỉnh cao của sự thoát tục miên viễn. Với Nguyễn Du, đó là lí tưởng mà ông hằng ao ước. Hình như ông mong muốn mình đạt đến cái vô sự, vô ưu... của các vị sư hay các cao nhân kia nhưng thực tế sự đời luôn níu kéo ông và làm cho ông nặng lòng, đau đớn, day dứt, khắc khoải... Làm sao ông có thể buông bỏ được. Mong là mong thế thôi, ông là con người của sự

triền miên suy tư không dứt, làm sao có thể đạt đến trạng huống như trên. Ông luôn có một nỗi niềm không biết bày tỏ cùng ai “*Ngã hữu thốn tâm vô dĩ ngữ*”, có một mối u sầu chưa từng một lần được mở ra “*Nhất sinh u tứ vị tăng khai*”, có trăm nỗi u hoài không dứt ra được “*Bách chủng u hoài vị nhất sự*”... Cái quan trọng là ông không thể không quan tâm, không thể không day dứt thì làm thế nào có thể yên lòng mà hòa vào mây trắng, chìm ngập trong lá vàng cùng cỏ cây mây nước cho được.

Hình ảnh những ngôi chùa ngàn năm mây phủ hay như vùi trong lá vàng vẫn là hình ảnh vừa hiện thực vừa huyền mộng như một cõi nào trong mơ mà con người mong đạt đến:

Cổ tự thiên niên không mộ vân  
(Vọng Tương Sơn tự)

*(Ngôi chùa cổ ngàn năm luống phủ mây chiều)*

Cổ tự thu mai hoàng diệp lí (Vọng Thiên Thai tự)

*(Mùa thu chùa cổ như vùi trong lá vàng)*

Hình như nó hiện hữu ở một thế giới xa xăm nào, vừa như có, vừa như không, rất khó nắm bắt. Có phải đó là thế giới trong tiềm thức Nguyễn Du do dấu ấn Phật giáo mang lại. Vị sư già chìm trong mây trắng, giấc ngủ êm không vướng bận nghiệp chướng trần ai, giấc ngủ sâu chứng tỏ cái tâm rộng không, thanh tịnh không sân hận, mê si, giấc ngủ nhẹ nhàng không gợn đục, êm ái, rũ hết phong trần... đó là điều mà những bậc hành giả tu thiền hằng ngày trải nghiệm.

Nguyễn Khuyến cũng đã từng mơ về một không gian như thế: *Chùa xưa ở lẫn cùng cây đá/ Sư cụ nằm chung với khói mây* (Nhớ cảnh chùa Đọi). Nguyễn Du dù muốn lắm nhưng ông vẫn cảm thấy mình không đạt được những điều mà mình hằng nguyện ước:

Khả liên bạch phát cung khu dịch

Bất dĩ thanh sơn tương thủy chung.

(Vọng Thiên Thai tự)

*(Khá thương mình đầu bạc rồi vẫn phải chịu để người sai khiến)*

*Không cùng với núi xanh giữ được thủy chung)*

Những mong muốn ấy cứ theo mãi theo hoài trong tâm trí Nguyễn Du:

Tùng hoa bách tử khảng hứa thực

Bạch đầu khứ thử tương an quy.

(Hoàng Mai sơn thượng thôn)

*(Hoa tùng, hoa bách mà ăn được)*

*Khi đầu bạc không về đây thì về đâu?)*

Nguyễn Du rất biết những phiền lụy của cuộc đời, những khổ đau thuộc thân kiếp thường là do con người cố bám chắc vào cái “sắc”, cái “hữu”, là do còn chấp nê vào chuyện “có”, “không”. Con người cần phải trở về với chính mình, với bản lai diện mục của chính mình. Đó là biết, là ý thức nhưng biết và ý thức là một chuyện, còn thực tế là lại là chuyện khác. Cả cuộc đời ông kinh qua những điều trông thấy, ông chứng kiến cảnh trần gian đau bể, cảnh đau khổ của mọi kiếp người, cảnh tang thương đói khát, cảnh sống dật dờ lang thang đầu sông cuối bể... điều đó đã làm cho ông day dứt, làm cho ông “vô bệnh cố câu câu” không có bệnh mà lung cứ phải cúi khom

khom để có thể âm thầm thực hiện được phần nào lí tưởng chưa đạt thành của mình. Và những mong muốn, khao khát mãi là những mong muốn, khát khao...

Tu, đơn giản là sửa, thiên định là một cách để sửa tâm. Nguyễn Du chọn kinh Kim Cang cho mình có lẽ cũng để làm lắng đọng cái vọng tâm luôn bất an của mình. Đọc kinh là một trong những cách tu thiền định trong đạo Phật với mục đích làm cho cái tâm của mình nguôi dần những ưu tư, lo lắng, hoặc những tạp niệm do thân tạo tác chuyển dần sang tâm trong sáng, vô ưu, vô sự. Bài Đạo ý cho chúng ta thấy rõ điều đó:

Minh nguyệt chiếu cổ tinh  
 Tinh thủy vô ba đào  
 Bất bị nhân khiên xỉ  
 Thủ tâm chung bất dao  
 Túng bị nhân khiên xỉ  
 Nhất dao hoàn phục chỉ  
 Trạm trạm nhất phiến tâm  
 Minh nguyệt cổ tinh thủy.

*(Trăng sáng chiếu giếng xưa/ Nước giếng không gợn sóng/ Không bị người khuấy động/ Tâm này thật chẳng động/ Nếu bị người khuấy động/ Lay động rồi lại lặng yên/ Một tấm lòng thanh trong/ Như trăng sáng soi giếng xưa)*

Bản chất của nước giếng vốn là trong lặng, thanh sạch. Không bị người khuấy động, nước bình lặng, an yên. Khi bị người khuấy động, nước lay chuyển gợn sóng và sau đó lại trở về yên lặng. Tấm lòng con người cũng vậy, có vọng động, chao đảo, ngã nghiêng nhưng rồi cũng trở về với bản chất yên lặng, thanh tịnh. Tâm không dao động trước mọi duyên thì tâm sẽ như ánh

trăng, chiếu sáng khắp cả. Nguyễn Du sống như vậy, bình lặng thanh sạch mà đi hết kiếp người. Còn nếu buông bỏ hoặc làm ngơ với cuộc đời đầy khổ đau, uất hận nhưng cũng lắm yêu thương này thì có lẽ Nguyễn Du không làm được. Sợi tóc bạc trên đầu mỗi ngày qua bạc thêm, làm ưu tư thêm lòng người khách nổi trôi phiêu dạt.

Thanh sam tẩu biến hồng trần lộ.

(Đồng Lư lộ thượng dao kiến Sài sơn)

*(Chiếc áo xanh đi khắp đường bụi hồng)*

Bạch đầu thiên lí tẩu thu phong.

(Nhiep khẩu đạo trung)

*(Mái đầu bạc vẫn lặn lội trong gió thu ngoài nghìn dặm)*

Gần 60 lần trong 250 bài thơ chữ Hán Nguyễn Du đã nói đến đầu bạc, điều đó chứng tỏ trong con người ông nổi lo cho người, cho đời là nổi lo bạc tóc không thể rũ bỏ được. Bước chân của ông là bước chân lặn lội kiếm tìm sự bình yên nhưng không phải cho cá nhân mình mà là cho cả đời này. Có thể có sự trùng khít với lí tưởng của đạo Phật nhưng Nguyễn Du vẫn chọn đi con đường của riêng mình. Những điều ông trông thấy làm cho ông đau đớn lòng và mãi vẫn là như vậy. Khổ đau là có thật, nổi đau đời vẫn hiện hữu trong con người ông, nổi lo nghìn năm “thiên tuế trường ưu” vẫn là nỗi ám ảnh không nguôi. Nguyễn Du chưa từng phát ngôn đời là bể khổ hay cuộc sống vô thường, ông cũng chưa bao giờ nhận mình là một Phật tử hay một hành giả tu thiền nhưng ông đã đọc được chân lí nhà Phật, đã từng ao ước có được cuộc sống vô ưu, vô sự của các nhà



su trong núi... Ông đã từng mượn tay người tu hành để thả một bè lau cứu người trong Truyện Kiều, đã từng thay mặt nhà Phật đem tư tưởng từ bi bác ái để cứu vớt những cô hồn trong Văn chiêu hồn, cũng đã từng mang tâm thiền thả hồn mình miên man vào những cõi, những miền thoát tục

trong thơ chữ Hán... Nhưng hơn hết, ông vẫn bước đi trên đôi chân trần tục của mình, trên con đường khúc khuỷu chông chênh của đời mình và mãi ông không thực hiện được điều tốt đẹp nhất mà ông hằng mong ước.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Nguyễn Phạm Hùng. (29/12/2010). Tìm hiểu tư tưởng Phật Giáo của Đại thi hào Nguyễn Du (Tạp chí Nghiên cứu Phật học). Truy cập: <http://thuvienhoasen.org/a8360/tim-hieu-tu-tuong-phet-giao-cua-dai-thi-hao-nguyen-du>
- Đại Lãn. (03/12/2013). Nguyễn Du và Phật giáo. Tạp chí Sông Hương, Truy cập: <http://tapchisonghuong.com.vn/tin-tuc/p75/c143/n13495/Nguyen-Du-Phat-giao.html>
- Lê Thái Phong. (21/3/2015). Triết lí về Phật giáo của Đại thi hào Nguyễn Du. Báo Nghệ An, Truy cập: <http://www.baonghean.vn/xa-hoi/van-hoa/201503/triet-ly-ve-phet-giao-cua-dai-thi-hao-nguyen-du-2526093/>
- Lê Văn Quán. (2010). Góp phần tìm hiểu triết lí đạo Phật trong Truyện Kiều. Tạp chí Hán Nôm, Số 5(102), trang 56-66.
- Lê Thu Yến. (1999). Đặc điểm nghệ thuật thơ chữ Hán Nguyễn Du, NXB Thanh niên.